

Số: 28<sup>A</sup>/TB-UBND

*P. Ái Quốc, ngày 29 tháng 7 năm 2025*

**THÔNG BÁO**

**Niêm yết công khai số liệu Dự toán thu chi NSNN năm 2025  
trình HĐND phường Ái Quốc quyết định**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT – BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Nay UBND phường Ái Quốc thông báo về việc niêm yết công khai số liệu Dự toán thu chi NSNN năm 2025 trình HĐND phường Ái Quốc quyết định cụ thể như sau:

1. Thời gian niêm yết công khai dự toán ngân sách năm 2025 kể từ hồi 8 giờ 00 phút ngày 29/7/2025 đến 8 giờ 00 phút ngày 29/8/2025.

2. Địa điểm niêm yết công khai tại: Trung tâm hành chính công của phường Ái Quốc và Cổng thông tin điện tử phường Ái Quốc. Đồng thời thông báo trên hệ thống truyền thanh của phường.

Ủy ban nhân dân phường giao Văn phòng HĐND-UBND phường, Trung tâm văn hoá thể thao và truyền thông phường thông báo tới toàn thể các ban ngành đoàn thể, cán bộ, công chức cơ quan, các tổ dân phố và nhân dân được biết. / *[Chữ ký]*

**Nơi nhận:**

- TT Đảng ủy phường;
- TT HĐND phường; } để b/c
- CT, PCT UBND phường;
- TTVHTT&TT phường;
- Lưu VT, KTHĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Nam Hải**

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Thông báo số 28A/TB-UBND ngày 29/7/2025 của UBND phường Ái Quốc)

Đơn vị: 1000 đồng

| NỘI DUNG THU                       | DỰ TOÁN           | NỘI DUNG CHI          | DỰ TOÁN           |
|------------------------------------|-------------------|-----------------------|-------------------|
| <b>TỔNG SỐ THU</b>                 | <b>97.802.000</b> | <b>TỔNG SỐ CHI</b>    | <b>97.802.000</b> |
| Các khoản thu xã hưởng 100%        | 145.000           | Chi đầu tư phát triển | 8.837.000         |
| Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ | 9.445.000         | Chi thường xuyên      | 86.674.000        |
| Thu bổ sung                        | 88.212.000        | Dự phòng              | 2.291.000         |
| - Bổ sung cân đối                  | 88.212.000        |                       |                   |
| - Bổ sung có mục tiêu              | 0                 |                       |                   |
| Thu chuyển nguồn                   |                   |                       |                   |



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025  
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

| STT | NỘI DUNG                                                            | ƯỚC THỰC HIỆN<br>NĂM 2024 |         | DỰ TOÁN NĂM 2025 |            | SO SÁNH (%) |         |
|-----|---------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|------------------|------------|-------------|---------|
|     |                                                                     | THU<br>NSNN               | THU NSX | THU NSNN         | THU NSX    | THU<br>NSNN | THU NSX |
| A   | B                                                                   | 1                         | 2       | 3                | 4          | 5=3/1       | 6=4/2   |
|     | TỔNG THU                                                            | 0                         | 0       | 142.686.000      | 97.802.000 | 0           | 0       |
| I   | Các khoản thu 100%                                                  | 0                         | 0       | 161.000          | 145.000    | 0           | 0       |
| 1   | Phí, lệ phí                                                         |                           |         | 51.000           | 35.000     |             |         |
| 2   | Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác                |                           |         | 100.000          | 100.000    |             |         |
| 3   | Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp                               |                           |         |                  |            |             |         |
| 4   | Thu phạt, tịch thu khác theo quy định                               |                           |         |                  |            |             |         |
| 5   | Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định |                           |         |                  |            |             |         |
| 6   | Đóng góp của nhân dân theo quy định                                 |                           |         |                  |            |             |         |
| 7   | Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân                         |                           |         |                  |            |             |         |
| 8   | Thu khác                                                            |                           |         | 10.000           | 10.000     |             |         |
| II  | Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)                    | 0                         | 0       | 54.313.000       | 9.445.000  | 0           | 0       |
| 1   | Các khoản thu phân chia                                             | 0                         | 0       | 54.313.000       | 9.445.000  | 0           | 0       |
|     | - Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp                                  |                           |         | 210.000          | 0          |             |         |
|     | - Thuế GTGT                                                         |                           |         | 1.354.000        | 406.000    |             |         |
|     | - Thu tiền sử dụng đất                                              |                           |         | 52.074.000       | 8.837.000  |             |         |
|     | - Thuế thu nhập cá nhân                                             |                           |         | 675.000          | 202.000    |             |         |
|     | - Các khoản thu điều tiết khác                                      |                           |         | 0                | 0          |             |         |
| 2   | Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định                   |                           |         |                  |            |             |         |
| III | Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã                        |                           |         |                  |            |             |         |
| IV  | Thu chuyển nguồn                                                    |                           |         |                  |            |             |         |
| V   | Thu kết dư ngân sách năm trước                                      |                           |         |                  |            |             |         |
| VI  | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên                                   | 0                         | 0       | 88.212.000       | 88.212.000 | 0           | 0       |
|     | - Thu bổ sung cân đối                                               |                           |         | 88.212.000       | 88.212.000 |             |         |
|     | - Thu bổ sung có mục tiêu                                           |                           |         | 0                |            |             |         |

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025  
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị tính: 1000 đồng

| ST<br>T | NỘI DUNG                                                   | DỰ TOÁN NĂM 2024 |                         |                 | DỰ TOÁN NĂM 2025 |                         |                 | SO SÁNH (%) |                         |                 |
|---------|------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------|-----------------|------------------|-------------------------|-----------------|-------------|-------------------------|-----------------|
|         |                                                            | TỔNG SỐ          | ĐẦU TƯ<br>PHÁT<br>TRIỂN | THƯỜNG<br>XUYỀN | TỔNG SỐ          | ĐẦU TƯ<br>PHÁT<br>TRIỂN | THƯỜNG<br>XUYỀN | TỔNG SỐ     | ĐẦU TƯ<br>PHÁT<br>TRIỂN | THƯỜNG<br>XUYỀN |
| A       | B                                                          | 1=2+3            | 2                       | 3               | 4=5+6            | 5                       | 6               | 7=4/1       | 8=5/2                   | 9=6/3           |
|         | TỔNG CHI                                                   | 0                | 0                       | 0               | 97.802.000       | 8.837.000               | 86.674.000      | 0           |                         | 0               |
|         | Trong đó                                                   |                  |                         |                 |                  |                         |                 |             |                         |                 |
| 1       | Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội        | 0                |                         |                 | 1.942.000        |                         | 1.942.000       | 0           |                         |                 |
| 2       | Chi giáo dục                                               | 0                |                         |                 | 52.467.000       |                         | 52.467.000      | 0           |                         |                 |
| 3       | Sự nghiệp y tế                                             | 0                |                         |                 | 85.000           |                         | 85.000          | 0           |                         |                 |
| 4       | Chi văn hóa, thông tin                                     | 0                |                         |                 | 442.000          |                         | 442.000         | 0           |                         |                 |
| 5       | Chi phát thanh, truyền thanh                               | 0                |                         |                 | 95.000           |                         | 95.000          | 0           |                         |                 |
| 6       | Chi thể dục thể thao                                       | 0                |                         |                 | 147.000          |                         | 147.000         | 0           |                         |                 |
| 7       | Chi bảo vệ môi trường                                      | 0                |                         |                 | 7.385.000        |                         | 7.385.000       | 0           |                         |                 |
| 8       | Chi các hoạt động kinh tế                                  | 0                |                         |                 | 599.000          |                         | 599.000         | 0           |                         |                 |
| 9       | Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể | 0                |                         |                 | 20.348.000       |                         | 20.348.000      | 0           |                         |                 |
| 10      | Chi cho công tác xã hội                                    | 0                |                         |                 | 3.141.000        |                         | 3.141.000       | 0           |                         |                 |
| 11      | Chi khác                                                   | 0                |                         |                 | 23.000           |                         | 23.000          | 0           |                         |                 |
| 13      | Dự phòng ngân sách                                         | 0                |                         |                 | 2.291.000        |                         | 2.291.000       | 0           |                         |                 |

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025  
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị tính: triệu đồng

| Tên công trình                                                                                                                   | Thời gian khởi công - hoàn thành | Tổng dự toán được duyệt |                                 | Giá trị thực hiện đến 31/12/2024 | Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024 | Dự toán năm 2025 |                                          |                         |                |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|------------------|------------------------------------------|-------------------------|----------------|
|                                                                                                                                  |                                  | Tổng số                 | Trong đó nguồn đóng góp của dân |                                  |                                      | Tổng số          | Trong đó thanh toán khối lượng năm trước | Chia theo nguồn vốn     |                |
|                                                                                                                                  |                                  |                         |                                 |                                  |                                      |                  |                                          | Nguồn cân đối ngân sách | Nguồn đóng góp |
| TỔNG SỐ                                                                                                                          |                                  | 178.213                 | -                               | 72.840                           | 77.414                               | 11.400           | 962                                      | 11.400                  | -              |
| Các dự án đã hoàn thành quyết toán                                                                                               |                                  | 13.436                  | -                               | 12.960                           | 10.397                               | 2.591            | -                                        | 2.591                   | -              |
| Cải tạo khuôn viên, hệ thống cây xanh khu nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh                                                    | 2024-2025                        | 499                     |                                 | 470                              | 400                                  | 98               |                                          | 98                      |                |
| Cải tạo bờ kè, lan can ao cá Bắc Hồ khu dân cư vũ thượng P Ái Quốc TP HD                                                         | 2022-2023                        | 659                     |                                 | 659                              | 366                                  | 293              |                                          | 293                     |                |
| XD nhà lớp học 3T6P trường Tiểu học Quyết Thắng                                                                                  | 2022-2024                        | 7.093                   |                                 | 7.019                            | 6.390                                | 629              |                                          | 629                     |                |
| Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng GD1 đường liên xã từ TL 390 đi xã Tiền Tiến và các tuyến đường trục thôn Dương Xuân, Đông Lĩnh | 2024-2025                        | 1.206                   |                                 | 1.178                            | 50                                   | 1.128            |                                          | 1.128                   |                |
| Nhà khám chữa bệnh và điều trị Trăm y tế Xã Quyết Thắng                                                                          | 2017-2019                        | 3.980                   |                                 | 3.635                            | 3.192                                | 443              |                                          | 443                     |                |
| Các dự án đã hoàn thành chưa quyết toán                                                                                          |                                  | 73.436                  | -                               | 59.880                           | 58.918                               | 2.162            | 962                                      | 2.162                   | -              |
| Cải tạo trụ sở làm việc ủy ban nhân dân xã Quyết Thắng                                                                           | 2022-2023                        | 1.081                   |                                 | 956                              | 956                                  | -                |                                          | -                       |                |
| Xây dựng Trường THCS Quyết Thắng (giai đoạn I)                                                                                   | 2021-2024                        | 55.000                  |                                 | 43.478                           | 43.261                               | 217              | 217                                      | 217                     |                |
| Nhà văn hoá trung tâm xã Quyết Thắng                                                                                             | 2023-2025                        | 14.989                  |                                 | 14.424                           | 13.679                               | 745              | 745                                      | 745                     |                |
| Xây dựng sân Trường THCS Quyết Thắng                                                                                             | 2023-2025                        | 1.149                   |                                 | 1.021                            | 1.021                                | -                |                                          | -                       |                |
| XD hệ thống điện chiếu sáng GD2 các tuyến đường trục thôn Dương Xuân, Đông Lĩnh và Hoàng Xá 1,2,3 xã Quyết Thắng, TPHD           | 2025-2025                        | 1.218                   |                                 | -                                | -                                    | 1.200            |                                          | 1.200                   |                |
| Các dự án đang triển khai thực hiện                                                                                              |                                  | 9.374                   | -                               | -                                | 8.099                                | 173              | -                                        | 173                     | -              |
| Cải tạo mở rộng tuyến đường gom QL5 đến Cầu Trảng, khu Tiến Đạt P Ái Quốc                                                        | 2023-2025                        | 9.374                   |                                 |                                  | 8.099                                | 173              |                                          | 173                     |                |
| Số vốn chưa phân bổ                                                                                                              |                                  | -                       |                                 |                                  | -                                    | 6.474            |                                          | 6.474                   |                |
| Các dự án thực hiện chuẩn bị đầu tư trong 6 tháng cuối năm 2025 (Tên dự án, tổng mức đầu tư, số vốn phân bổ là số dự kiến)       |                                  | 81.966                  |                                 | -                                | -                                    | -                |                                          | -                       |                |
| Xây dựng, cải tạo sửa chữa nhà lớp học trên địa bàn phường Ái Quốc                                                               |                                  | 10.000                  |                                 |                                  |                                      | 474              |                                          | 474                     |                |
| Xây dựng, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng một số tuyến trên địa bàn phường Ái Quốc                                              |                                  | 3.000                   |                                 |                                  |                                      | 2.000            |                                          | 2.000                   |                |
| Cải tạo, sửa chữa trụ sở và các hạng mục phụ trợ UBND phường Ái Quốc                                                             |                                  | 4.000                   |                                 |                                  |                                      | 2.000            |                                          | 2.000                   |                |

| Tên công trình                                                                                | Thời gian khởi công - hoàn thành | Tổng dự toán được duyệt |                                 | Giá trị thực hiện đến 31/12/2024 | Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024 | Dự toán năm 2025 |                                          |                         |                |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|------------------|------------------------------------------|-------------------------|----------------|
|                                                                                               |                                  | Tổng số                 | Trong đó nguồn đóng góp của dân |                                  |                                      | Tổng số          | Trong đó thanh toán khối lượng năm trước | Chia theo nguồn vốn     |                |
|                                                                                               |                                  |                         |                                 |                                  |                                      |                  |                                          | Nguồn cân đối ngân sách | Nguồn đóng góp |
| Đầu tư, sửa chữa thiết chế văn hóa tại các khu dân cư                                         |                                  | 3.000                   |                                 |                                  |                                      | 2.000            | 2.000                                    |                         |                |
| Xây dựng HTKT điểm dân cư thôn Hoàng Xá 2                                                     |                                  | 5.000                   |                                 |                                  |                                      |                  |                                          |                         |                |
| Xây dựng hạ tầng điểm dân cư mới Vũ Thượng, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương               |                                  | 28.266                  |                                 |                                  |                                      |                  |                                          |                         |                |
| Cải tạo, mở rộng khuôn viên nhà tưởng niệm Hồ Chí Minh, Khu Vũ Thượng, phường Ái Quốc         |                                  | 15.000                  |                                 |                                  |                                      |                  |                                          |                         |                |
| Nâng cấp, mở rộng đường Pháp Loa phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương                          |                                  | 12.000                  |                                 |                                  |                                      |                  |                                          |                         |                |
| Cải tạo nghĩa trang liệt sỹ trên địa bàn phường                                               |                                  | 500                     |                                 |                                  |                                      |                  |                                          |                         |                |
| Lắp đặt trạm truyền thanh thông minh ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn phường Ái Quốc |                                  | 1.200                   |                                 |                                  |                                      |                  |                                          |                         |                |